

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/DSST

Ngày: 20/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Ông **Nguyễn Minh Nhiễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2022/TLST-DS, ngày 17/01/2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2022/QĐST-DS, ngày 26/8/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Kim Thị Sa R, sinh năm 1968; Ông Thạch S, sinh năm 1961; Cùng cư trú: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, cùng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Vào ngày 18/3/2018, bà Kim Thị Sa R cùng chồng là ông Thạch S có tổ chức khai hụi, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 5.000.000 đồng, hụi 04 tháng khai 01 lần, giữa chị và bà Sa R, ông S chỉ thỏa thuận bằng lời nói không làm văn bản. Chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho chị theo dõi, huê hồng cho chủ đầu thảo hưởng ở mỗi lần khai là 2.500.000 đồng, hụi gồm 17 phần, chị tham gia 01 phần ở dây số 01, dây hụi này khai được 07 lần đến lần khai thứ 08 thì bà Sa R, ông S tuyên bố úp hụi không khai hụi nữa, cụ thể chị đóng hụi sống từ lần khai thứ 01 đến lần khai thứ 07 với tổng số tiền 17.660.000 đồng.

Chị Ngô Thị D yêu cầu bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hội sống mà chị đã góp trong 07 lần bằng 17.660.000 đồng. Chị D không yêu cầu tính lãi và yêu cầu xét xử vắng mặt chị.

Đối với bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà R, ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà bà R, ông S và chị D đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Chị Ngô Thị D vắng mặt có đơn xin vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, bà Sa R, ông S.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Ngô Thị D yêu cầu bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S trả tiền hội sống đã đóng trong 07 lần bằng 17.660.000 đồng đối với dây hội số 01 mở ngày 18/3/2018, loại hội 5.000.000 đồng, hội 04 tháng khai 01 lần. Chị D không yêu cầu tính lãi.

[3] Đối với bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Ngô Thị D, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà chị Diễm đã nộp gồm: Đơn khởi kiện, danh sách hội viên thể hiện bà Sa Rây là chủ hội ở dây hội trên để bà, ông S có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà chị D nộp khởi kiện bà R, ông S. Do bà R, ông S không có ý kiến phản hồi về nội dung chị D khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị D là hoàn toàn có căn cứ, chị Ngô Thị D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Xét thấy ông Thạch S thuộc diện người cao tuổi nhưng ông S không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà Sa R, ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Ngô Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phurong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D.

Buộc bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị D tiền hui sống mà chị D đã góp trong 07 lần bằng 17.660.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, hui mở ngày 18/3/2018, dây hui số 01, hui 04 tháng khui 01 lần). Chị Ngô Thị D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Kim Thị Sa R, ông Thạch S phải chịu 883.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngô Thị D không phải chịu án phí; Hoàn trả cho chị Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí 441.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002891, ngày 14/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Trinh

